



**CÔNG TY CP CHỨNG
KHOẢN THIÊN VIỆT
THIEN VIET SECURITIES
(TVS)**

01st Nov 2021

THÔNG BÁO/ NOTIFICATION

(V/v: Thay đổi danh mục CK được giao dịch ký quỹ)
(The change of stocks applied for margin trading)

TVS xin thông báo đến quý khách hàng về việc thay đổi mã chứng khoán được giao dịch ký quỹ như sau:

TVS would like to inform our customers about the change of stocks applied for margin trading as follows:

- Mã TVC sàn HNX được TVS áp dụng giao dịch ký quỹ với tỷ lệ vay ở mức 50% từ ngày 02/11/2021.
- TVC listed on Hanoi stock exchange with a margin rate of 50% from Nov 02nd, 2021

Trân trọng!
Best regards,



TỔNG GIÁM ĐỐC (CEO)

NGUYỄN THANH THẢO



CÔNG TY CP CHỨNG
KHOẢN THIÊN VIỆT
THIEN VIET SECURITIES
(TVS)

CAPITAL INSIGHT
CLIENT INNOVATION

Ngày 01 tháng 11 năm 2021

01st Nov 2021

DANH MỤC CHỨNG KHOẢN ĐƯỢC GIAO DỊCH KÝ QUỸ TẠI TVS STOCK LIST FOR MARGIN TRADING AT TVS

TỪ NGÀY/ From: 02/11/2021

Tỷ lệ ký quỹ duy trì/ Margin maintenance Ratio: 35%

STT/ No	Mã CK/ Stock	Sàn GD/ Stock Exchange	Tỷ lệ cho vay/ Debt Ratio	Tỷ lệ ký quỹ/ Margin Ratio	STT/ No	Mã CK/ Stock	Sàn GD/ Stock Exchange	Tỷ lệ cho vay/ Debt Ratio	Tỷ lệ ký quỹ/ Margin Ratio
1	HOSE	AAA	50%	50%	29	HOSE	CTI	50%	50%
2	HOSE	ABS	30%	70%	30	HOSE	CTS	30%	70%
3	HOSE	ACB	50%	50%	31	HOSE	CVT	45%	55%
4	HOSE	AGG	50%	50%	32	HOSE	D2D	50%	50%
5	HOSE	AMD	45%	55%	33	HOSE	DBD	50%	50%
6	HOSE	ANV	50%	50%	34	HOSE	DCL	50%	50%
7	HOSE	APC	40%	60%	35	HOSE	DCM	50%	50%
8	HOSE	ASM	40%	60%	36	HOSE	DGC	50%	50%
9	HOSE	BCG	40%	60%	37	HOSE	DGW	50%	50%
10	HOSE	BFC	50%	50%	38	HOSE	DHC	50%	50%
11	HOSE	BIC	50%	50%	39	HOSE	DHG	50%	50%
12	HOSE	BID	50%	50%	40	HOSE	DIG	50%	50%
13	HOSE	BMI	50%	50%	41	HOSE	DMC	50%	50%
14	HOSE	BMP	50%	50%	42	HOSE	DPG	30%	70%
15	HOSE	BSI	50%	50%	43	HOSE	DPM	50%	50%
16	HOSE	BVH	30%	70%	44	HOSE	DPR	40%	60%
17	HOSE	BWE	50%	50%	45	HOSE	DVP	50%	50%
18	HOSE	C32	50%	50%	46	HOSE	DRC	50%	50%
19	HOSE	CCL	20%	80%	47	HOSE	DRH	25%	75%
20	HOSE	CII	50%	50%	48	HOSE	DXG	50%	50%
21	HOSE	CKG	30%	70%	49	HOSE	EIB	50%	50%
22	HOSE	CMG	50%	50%	50	HOSE	FCN	35%	65%
23	HOSE	CMX	50%	50%	51	HOSE	FIT	10%	90%
24	HOSE	CNG	30%	70%	52	HOSE	FLC	35%	65%
25	HOSE	CSM	40%	60%	53	HOSE	FMC	50%	50%
26	HOSE	CSV	50%	50%	54	HOSE	FPT	50%	50%
27	HOSE	CTD	35%	65%	55	HOSE	FRT	35%	65%
28	HOSE	CTG	50%	50%	56	HOSE	FTS	35%	65%



Danh mục giao dịch ký quỹ/ Stock list for margin trading | TVS

STT/ No	Mã CK/ Stock	Sàn GD/ Stock Exchange	Tỷ lệ cho vay/ Debt Ratio	Tỷ lệ ký quỹ/ Margin Ratio
57	HOSE	GAS	50%	50%
58	HOSE	GEG	50%	50%
59	HOSE	GEX	50%	50%
60	HOSE	GIL	50%	50%
61	HOSE	GMD	50%	50%
62	HOSE	GSP	30%	70%
63	HOSE	GVR	50%	50%
64	HOSE	HAH	50%	50%
65	HOSE	HAR	35%	65%
66	HOSE	HAX	50%	50%
67	HOSE	HBC	50%	50%
68	HOSE	HCM	50%	50%
69	HOSE	HDB	50%	50%
70	HOSE	HDC	50%	50%
71	HOSE	HDG	50%	50%
72	HOSE	HHS	45%	55%
73	HOSE	HPG	50%	50%
74	HOSE	HSG	50%	50%
75	HOSE	HT1	50%	50%
76	HOSE	HTN	30%	70%
77	HOSE	ICT	45%	55%
78	HOSE	IDI	35%	65%
79	HOSE	IJC	50%	50%
80	HOSE	ILB	30%	70%
81	HOSE	IMP	50%	50%
82	HOSE	ITA	35%	65%
83	HOSE	KBC	50%	50%
84	HOSE	KDC	35%	65%
85	HOSE	KDH	50%	50%
86	HOSE	KSB	50%	50%
87	HOSE	LCG	50%	50%
88	HOSE	LDG	45%	55%
89	HOSE	LHG	50%	50%
90	HOSE	LIX	50%	50%
91	HOSE	LPB	50%	50%
92	HOSE	LSS	35%	65%
93	HOSE	MBB	50%	50%
94	HOSE	MIG	30%	70%

STT/ No	Mã CK/ Stock	Sàn GD/ Stock Exchange	Tỷ lệ cho vay/ Debt Ratio	Tỷ lệ ký quỹ/ Margin Ratio
95	HOSE	MSB	50%	50%
96	HOSE	MSH	30%	70%
97	HOSE	MSN	50%	50%
98	HOSE	MWG	50%	50%
99	HOSE	NAF	50%	50%
100	HOSE	NBB	40%	60%
101	HOSE	NCT	50%	50%
102	HOSE	NHA	50%	50%
103	HOSE	NHH	30%	70%
104	HOSE	NKG	50%	50%
105	HOSE	NLG	50%	50%
106	HOSE	NNC	25%	75%
107	HOSE	NT2	50%	50%
108	HOSE	NTL	50%	50%
109	HOSE	NVL	50%	50%
110	HOSE	OCB	50%	50%
111	HOSE	PAN	35%	65%
112	HOSE	PC1	50%	50%
113	HOSE	PDR	50%	50%
114	HOSE	PET	40%	60%
115	HOSE	PGC	30%	70%
116	HOSE	PHR	50%	50%
117	HOSE	PLX	50%	50%
118	HOSE	PNJ	50%	50%
119	HOSE	POW	50%	50%
120	HOSE	PPC	50%	50%
121	HOSE	PSH	30%	70%
122	HOSE	PTB	50%	50%
123	HOSE	PVT	50%	50%
124	HOSE	ROS	25%	75%
125	HOSE	REE	50%	50%
126	HOSE	SAB	50%	50%
127	HOSE	SAM	35%	65%
128	HOSE	SBT	50%	50%
129	HOSE	SCR	50%	50%
130	HOSE	SHI	35%	65%
131	HOSE	SJS	35%	65%
132	HOSE	SKG	35%	65%



STT/ No	Mã CK/ Stock	Sàn GD/ Stock Exchange	Tỷ lệ cho vay/ Debt Ratio	Tỷ lệ ký quỹ/ Margin Ratio
133	HOSE	SMC	40%	60%
134	HOSE	SSB	50%	50%
135	HOSE	SSI	50%	50%
136	HOSE	STB	50%	50%
137	HOSE	STK	50%	50%
138	HOSE	SZC	50%	50%
139	HOSE	SZL	40%	60%
140	HOSE	TCB	50%	50%
141	HOSE	TCH	50%	50%
142	HOSE	TCL	30%	70%
143	HOSE	TCM	50%	50%
144	HOSE	TDC	50%	50%
145	HOSE	TDM	50%	50%
146	HOSE	THG	30%	70%
147	HOSE	TIP	30%	70%
148	HOSE	TLG	50%	50%
149	HOSE	TLH	30%	70%
150	HOSE	TNA	40%	60%
151	HOSE	TRA	45%	55%
152	HOSE	TPB	50%	50%

STT/ No	Mã CK/ Stock	Sàn GD/ Stock Exchange	Tỷ lệ cho vay/ Debt Ratio	Tỷ lệ ký quỹ/ Margin Ratio
153	HOSE	TV2	50%	50%
154	HOSE	VCB	50%	50%
155	HOSE	VCG	50%	50%
156	HOSE	VCI	50%	50%
157	HOSE	VDS	20%	80%
158	HOSE	VGC	50%	50%
159	HOSE	VHC	50%	50%
160	HOSE	VHM	50%	50%
161	HOSE	VIB	50%	50%
162	HOSE	VIC	50%	50%
163	HOSE	VIP	20%	80%
164	HOSE	VIX	50%	50%
165	HOSE	VJC	40%	60%
166	HOSE	VND	50%	50%
167	HOSE	VNM	50%	50%
168	HOSE	VPB	50%	50%
169	HOSE	VPG	50%	50%
170	HOSE	VRC	25%	75%
171	HOSE	VRE	50%	50%
172	HOSE	VSC	50%	50%





CÔNG TY CP CHỨNG
KHOẢN THIÊN VIỆT/
THIEN VIET SECURITIES
(TVS)

Ngày 01 tháng 11 năm 2021

01st Nov 2021



ĐĂNG MỤC CHỨNG KHOẢN ĐƯỢC GIAO DỊCH KÝ QUỸ TẠI TVS
STOCK LIST FOR MARGIN TRADING AT TVS

TỪ NGÀY/ FROM: 02/11/2021

Tỷ lệ ký quỹ duy trì/ Margin maintenance Ratio: 35%

STT/ No	Mã CK/ Stock	Sàn GD/ Stock Exchange	Tỷ lệ cho vay/ Debt Ratio	Tỷ lệ ký quỹ/ Margin Ratio
1	AMV	HNX	30%	70%
2	BCC	HNX	50%	50%
3	BVS	HNX	50%	50%
4	DBC	HNX	50%	50%
5	DNM	HNX	30%	70%
6	DTD	HNX	50%	50%
7	DXP	HNX	50%	50%
8	HLD	HNX	50%	50%
9	IDC	HNX	30%	70%
10	L14	HNX	30%	70%
11	MBS	HNX	40%	60%
12	NDN	HNX	50%	50%
13	NTP	HNX	50%	50%
14	NVB	HNX	35%	65%
15	PGS	HNX	30%	70%
16	PLC	HNX	50%	50%
17	PVC	HNX	35%	65%
18	PVG	HNX	30%	70%
19	PVI	HNX	50%	50%
20	PVS	HNX	50%	50%
21	SHB	HNX	50%	50%
22	SHS	HNX	50%	50%
23	TAR	HNX	30%	70%
24	TNG	HNX	40%	60%
25	TVC	HNX	50%	50%
26	VCS	HNX	50%	50%
27	VGS	HNX	50%	50%